**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BÉ**

**MÔN NGỮ VĂN 9**

 **NỘI DUNG KIẾN THỨC**

**TUẦN 5: CHỦ ĐỀ: "TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU"**

Tiết 21

 **Văn bản: "TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU**

  **PHẦN 1:**

-Khuyến khích học sinh tự đọc kiến thức SGK trang 77,78,79,80

-Khuyến khích học sinh xem Chú thích SGK trang 80

-Khuyến khích học sinh soạn phần Đọc – Hiểu văn bản SGK trang 80 với 2 câu hỏi vào tập Bài soạn.

 **PHẦN 2:**

**Học sinh ghi bài vào tập Bài học:**

 **Tiết 21**

Văn bản**: "TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU**

**I.NGUYỄN DU:**

**1. Thân thế:** Nguyễn Du (1765 – 1820)

- Tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.

- Quê: Tiên Điền- Nghi Xuân – Nghệ Tĩnh.

+ Chịu ảnh hưởng của truyền thống gia đình đại quí tộc.

+ Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống xã hội.

**2.** Là người có trái tim giàu tình yêu thương, cảm thông sâu sắc với những người nghèo khổ, với những đau khổ của nhân dân.

**3.Tác phẩm:**

 Gồm nhiều tác phẩm lớn có giá trị:

- ***Tác phẩm chữ Hán :*** Thanh Hiên thi tập; Nam Trung tạp ngâm; Bắc hành tạp lục.

- ***Tác phẩm chữ Nôm:***, Văn chiêu hồn, xuất sắc nhất là ”*Đoạn trường tân thanh”* (Truyện Kiều)

 **II. TRUYỆN KIỀU :**

-Thể loại : Truyện thơ Nôm lục bát dài 3254 câu.

- Dựa theo cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân( Trung Quốc)

- Sự sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn.

1. Tóm tắt tác phẩm :

+ Phần thứ nhất :Gặp gỡ và đính ước

+ Phần thứ hai : Gia biến và lưu lạc

+ Phần thứ ba : Đoàn tụ

2.Giá trị nội dung và nghệ thuật :

+ Về nội dung: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

+ Về hình thức: có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc hoạ hình tượng nhân vật….

**III. TỔNG KẾT:**

 Ghi nhớ (SGK/80)

**PHẦN 3:**

Học sinh chuẩn bị bài “ Chị em Thúy Kiều” bằng cách trả lời các câu hỏi SGK trang 83 vào tập bài soạn.

 ....................................................................................

 **Tuần 5**

 **CHỦ ĐỀ: "TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU"**

**Tiết 22,23**

|  |
| --- |
|  **CHỊ EM THÚY KIỀU** **(*Trích “Truyện Kiều”)***  ***Nguyễn Du*** |

 **PHẦN 1:**

-Khuyến khích học sinh tự đọc kiến thức SGK trang 81,82,83

-Khuyến khích học sinh xem Chú thích SGK trang 82,83

-Khuyến khích học sinh soạn phần Đọc – Hiểu văn bản SGK trang 83 với 4 câu hỏi vào tập Bài soạn.

 **PHẦN 2:**

**Học sinh ghi bài vào tập Bài học:**

**Tiết 22,23**

|  |
| --- |
|  **CHỊ EM THÚY KIỀU** **(*Trích “Truyện Kiều”)***  ***Nguyễn Du*** |
|  |

**I. Đọc- Hiểu chú thích:**

1) Vị trí đoạn trích:

- Nằm trong phần 1: *Gặp gỡ và đính ước*, từ câu 15 đến câu 38.

- Tên đoạn trích là do người biên soạn đặt.

2) Bố cục: 3 đoạn

- Đoạn 1(4 dòng đầu): Giới thiệu chung về hai chị em

- Đoạn 2(16 dòng tiếp theo): Giới thiệu chung vẻ đẹp riêng của hai chị em

+ 4 dòng : Chân dung Thuý Vân.

+ 12 dòng tiếp: Chân dung Thuý Kiều.

- Đoạn 3( dòng cuối): Cuộc sống của hai chị em

**II. Đọc- Hiểu văn bản:**

1. Giới thiệu hai chị em Thuý Kiều:

*…hai ả tố nga*

*….mai cốt cách, tuyết tinh thần*

*…mỗi người một vẻ…*

( nghệ thuật ẩn dụ, bút pháp ước lệ tượng trưng)

🡪 Chị em Thuý Kiều có vóc dáng thanh tao, tâm hồn trong trắng.

2.Giới thiệu chung vẻ đẹp riêng của hai chị em:

a. Chân dung Thuý Vân

…*trang trọng khác vời*

*…khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*

*…hoa cười ngọc thốt*

*….mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da…*

(Dùng nghệ thuật ước lệ, liệt kê,ẩn dụ, nhân hóa)

🡪 Thuý Vân xinh đẹp, đoan trang, phúc hậu.

=> Dự báo cuộc đời bình yên, không sóng gió.

b. Chân dung Thuý Kiều

 - Nhan sắc:

 *…làn thu thuỷ nét xuân sơn*

 *….hoa ghen….liễu hờn*

 *…nghiêng nước nghiêng thành…*

( ước lệ tượng trưng,ẩn dụ, nhân hóa, nói quá)

🡺 Kiều đẹp lộng lẫy, sắc sảo, có sức cuốn hút mạnh mẽ: một trang giai nhân tuyệt sắc.

=> Dự báo cuộc đời đầy sóng gió, tai ương.

- Tài năng

*…pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*

*…làu bậc ngũ âm*

*…nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương*

( liệt kê, từ ngữ gợi tả)

🡪 Làm thơ, vẽ, ca hát, chơi đàn, soạn nhạc.

🡺 Kiều rất đa tài, tài nào cũng hoàn hảo.

=> Thúy Kiều là người tài sắc vẹn toàn.

3. Cuộc sống của hai chị em;

*…phong l­ưu rất mực hồng quần..*

*…êm đềm…màn che*

*….ong bướm…mặc ai.*

*🡪* Cuộc sống phong lưu, rất mực khuôn phép.

**III. Tổng kết:**

 Ghi nhớ (SGK/83)

**PHẦN 3:**

-Học sinh học thuộc lòng văn bản.

-Học sinh chuẩn bị bài “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” bằng cách trả lời 3 câu hỏi SGK trang 95,96 vào tập bài soạn.

 …………………………………………………..

**Tuần 5 CHỦ ĐỀ: "TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU"**

**Tiết 24,25**

|  |
| --- |
|  **Kiều ở lầu Ngưng Bích** **(*Trích “Truyện Kiều”)***  ***Nguyễn Du*** |

**PHẦN 1:**

-Khuyến khích học sinh tự đọc kiến thức SGK trang 93,94,95

-Khuyến khích học sinh xem Chú thích SGK trang 94,95

-Khuyến khích học sinh soạn phần Đọc – Hiểu văn bản SGK trang 95,96 với 3 câu hỏi vào tập Bài soạn.

 **PHẦN 2:**

**Học sinh ghi bài vào tập Bài học:**

 **Tiết 24,25**

|  |
| --- |
|  **Kiều ở lầu Ngưng Bích** **(*Trích “Truyện Kiều”)***  ***Nguyễn Du*** |

**I.Đọc- Hiểu chú thích :**

1) Vị trí đoạn trích: nằm ở phần thứ hai của tác phẩm :

 “ Gia biến và lưu lạc”

2) Đọc- Chú thích:

3. Bố cục: 3 đoạn :

- Đoạn 1( 6 dòng đầu) : Cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích gợi tâm trạng Thúy Kiều.

- Đoạn 2( 8 daòng tiếp theo) : Nỗi nhớ của Thúy Kiều về người thân.

- Đoạn 3( 8 dòng cuối) : Nỗi buồn của Thúy Kiều khi nghĩ về thực tại.

**II. Đọc- Hiểu văn bản :**

1. Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích :

- Hoàn cảnh : “Khoá xuân”

-> cảnh ngộ trớ trêu, bất hạnh của Thuý Kiều ; bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích

- Khung cảnh :

*+ …non xa …trăng gần*

*+ bốn bề bát ngát…*

*+ cát vàng… bụi hồng…*

( liệt kê, từ ngữ gợi tả, )

=> cảnh bao la, hoang vắng, xa lạ và cách biệt, thiếu bóng dáng, sự sống, không sự giao lưu giữa người với người.

- Tâm trạng :

*+ Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

( từ láy, thành ngữ)

* cô đơn, buồn tủi trong vòng thời gian tuần hoàn khép kín.

 *+ Nửa tình..... tấm lòng.*

( nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)

* Kiều chỉ thui thủi một mình, nàng rơi vào hoàn cảnh cô đơn tuyệt đối.

=> Tình cảnh Thúy Kiều đáng thương, tội nghiệp.

2.Nỗi nhớ của Thúy Kiều:

\* Nhớ người yêu:

+ Nhớ cảnh thề nguyền, hẹn ước.

+ Hình dung cảnh Kim Trọng ngày đêm mong đợi, cũng đang hướng về mình.

+ *Bên trời góc bể bơ vơ*

 *Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*

( từ ngữ gợi tả, độc thoại nội tâm)

->Đau đớn, xót xa nhớ về Kim Trọng.

* Kiều là người con gái thuỷ chung, son sắt, nặng ân tình.

\* Nỗi nhớ cha mẹ:

+ Xót…tựa cửa hôm mai

+ Quạt nồng ấp lạnh …thành ngữ

+ Sân Lai cách mấy nắng mưa-> điển cố

+ …gốc tử vừa người ôm.

( từ ngữ gợi tả, thành ngữ, câu hỏi tu từ, điển cố)

* Kiều là người con hiếu thảo.

=> Kiều thuỷ chung, hiếu thảo, có tấm lòng vị tha sâu sắc

3.Nỗi buồn của Thuý Kiều trong hoàn cảnh thực tại:

- “ Buồn trông” …

+ Cánh buồm thấp thoáng- gợi sự cô đơn, lẻ loi=> Nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

+ Hoa trôi man mác - gợi nỗi buồn về thân phận nổi trôi, vô định.

+ Nội cỏ rầu rầu - gợi sự úa tàn buồn bã, nỗi chán chường vô vọng vì cuộc sống vô vị, nhớp nhơ, tương lai mù mịt.

+ Gió cuốn mặt duềnh - cảnh tượng hãi hùng báo trước dông bão sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều.

+ Tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi- âm thanh dữ dội báo trước sóng gió, bão tố cuộc đời sắp ập xuống đời Kiều.

( từ láy, ẩn dụ, câu hỏi tu từ, điệp ngữ liên hoàn, tả cảnh ngụ tình)

=> Sự trông đợi trong vô vọng, nỗi sầu buồn mênh mang, nỗi buồn dâng lên lớp lớp trong lòng Kiều tưởng không bao giờ dứt (điệp khúc của đoạn thơ và cũng là điệp khúc của tâm trạng).

**III. Tổng kết:**

 Ghi nhớ( sgk/96)

**PHẦN 3:**

-Học sinh học thuộc lòng văn bản.

-Học sinh chuẩn bị bài:

**+**Cảnh ngày xuân (Đọc MỞ RỘNG)

+Mã Giám Sinh mua Kiều (Tự đọc)

+Thúy Kiều báo ân báo oán (Tự đọc)

(3 bài GV hướng dẫn học sinh đọc mở rộng)

 …………………………………………